TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:152/2023/DS-ST
Ngày: 21-8-2023
v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh N - Sinh năm: 1976. Địa chỉ: Tổ 5 Thôn G, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Hà Minh T - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 28 đường N, tổ 68 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2023, bản tự khai đề ngày 29/6/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Thanh N trình bày:

Ông và ông Hà Minh T có mối quan hệ là đồng nghiệp, cùng làm chung trong công ty Cổ phần Meico. Do đó, ngày 17/8/2022, ông có cho ông Hà Minh T vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay tiền thì ông T có viết giấy mượn tiền và hẹn ngày 17/10/2022 sẽ trả cho ông, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi đến hạn trả nợ, ông đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán số tiền đã mượn nhưng ông cứ hẹn đi hẹn lại nhiều lần, không chịu thanh toán khoản nào. Ông T đã xin nghỉ không đến làm việc tại Công ty nên ông cũng không gặp được ông T. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hà Minh T trả lại cho ông tổng số tiền 71.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 24/3/2023, lãi suất 6%/tháng là

21.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/6/2023 thì ông rút yêu cầu tính lãi. Ngày 31/7/2023, ông T đã trả cho ông số tiền 2.000.000 đồng và ngày 02/8/2023, ông T đã trả cho ông số tiền 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Hà Minh T trả lại cho ông nợ gốc: 47.000.000 đồng và ông rút yêu cầu tính lãi với số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 24/3/2023, lãi suất 6%/tháng là 21.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Hà Minh T : Mặc dù ông Hà Minh T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hà Minh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh N.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ đối với số tiền lãi 21.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2023 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: Số 28 đường N, tổ 68 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn ông Hà Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hà Minh T .

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Thanh N rút yêu cầu tính lãi ngày 17/8/2022 đến ngày 24/3/2023, lãi suất 6%/tháng là 21.000.000 đồng. HĐXX

xét thấy việc rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 21.000.000 đồng.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hà Minh T thanh toán số nợ gốc 47.000.000 đồng:

Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là Bản chính giấy mượn tiền ngày 18/8/2022 thể hiện: Ngày 17/8/2022, ông Hà Minh T có vay của ông Trần Thanh N số tiền 50.000.000 đồng và hẹn ngày 17/10/2022 sẽ trả. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định: Hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 18/8/2022 giữa ông Trần Thanh N và ông Hà Minh T là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ, thuộc loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, mặc dù ông Trần Thanh N đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Hà Minh T không thực hiện. Sau khi ông N khởi kiện và quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ong Trung đã trả được cho ông N số tiền 3.000.000 đồng, cụ thể: ngày 31/7/2023, ông T đã trả 2.000.000 đồng và ngày 02/8/2023, ông T đã trả 1.000.000 đồng. Do đó, ông T còn nợ ông N số tiền 47.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Hà Minh T thanh toán số tiền nợ là 47.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 466 và 470 Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 21.000.000 đồng, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên HĐXX chấp nhận

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Hà Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 47.000.000 = 2.350.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu về tiền lãi nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N đối với ông Hà Minh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Hà Minh T phải thanh toán cho ông Trần Thanh N số tiền nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi 21.000.000 đồng của nguyên đơn ông Trần Thanh N.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hà Minh T phải chịu 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Thanh N được hoàn trả 1.775.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00009418 ngày 31/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền